

HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

TS. Nguyễn Anh Thái* - Ths. Nguyễn Thị Trung Bình** - Ths. Phạm Trung Dũng***

Trong kỷ nguyên kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo (ĐMST) là động lực then chốt nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Trường đại học giữ vai trò trung tâm trong hệ sinh thái ĐMST thông qua đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao tri thức. Nghiên cứu phân tích thực trạng ĐMST tại các trường đại học Việt Nam giai đoạn 2020-2024, dựa trên dữ liệu của Bộ KH&CN, Bộ GD&ĐT, Trung tâm ĐMST Quốc gia và khảo sát tại 20 trường ở ba miền. Kết quả cho thấy hầu hết đã hình thành trung tâm ĐMST, không gian sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp, song mức độ triển khai còn không đồng đều, phụ thuộc vào tự chủ, tài chính và năng lực quản trị.

Nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp: hoàn thiện chính sách; phát triển nguồn lực R&D; tăng cường liên kết Đại học - Doanh nghiệp - Nhà nước; và xây dựng văn hóa sáng tạo trong nhà trường.

• Từ khóa: đổi mới sáng tạo; đại học; hệ sinh thái; chính sách; Việt Nam.

In the era of the knowledge economy and the Fourth Industrial Revolution, innovation is a key driver for enhancing national competitiveness and promoting sustainable development. Universities play a central role in the innovation ecosystem through education, research, and knowledge transfer. This study analyzes the innovation status of Vietnamese universities during 2020-2024, based on data from the Ministry of Science and Technology, the Ministry of Education and Training, the National Innovation Center, and surveys at 20 universities across three regions. Findings indicate that most universities have established innovation centers, creative spaces, and startup incubators, though implementation levels remain uneven, depending on autonomy, financial capacity, and governance. The study proposes four solution groups: improving policy frameworks; developing R&D resources; strengthening University-Industry-Government linkages; and fostering an innovation culture within universities.

• Key words: innovation; university; ecosystem; policy; Vietnam.

Ngày nhận bài: 02/10/2025

Ngày gửi phản biện: 05/10/2025

Ngày duyệt đăng: 29/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i299.03>

khởi nghiệp. Theo OECD (2023), giáo dục đại học không chỉ truyền đạt tri thức mà còn là tác nhân chủ lực của hệ thống đổi mới quốc gia.

Tại Hàn Quốc, Singapore hay Phần Lan, đại học được coi là “trụ cột tri thức” của nền kinh tế sáng tạo, nơi ý tưởng nghiên cứu được thương mại hóa qua doanh nghiệp khởi nguồn (spin-off) hoặc hợp tác R&D (Etzkowitz & Leydesdorff, 2000).

Ở Việt Nam, ĐMST trong đại học được đẩy mạnh từ Nghị quyết 52-NQ/TW (2019) và Chiến lược KH&CN và ĐMST đến năm 2030 (Quyết định 569/QĐ-TTg, 2022), xác định đại học là chủ thể trọng tâm của hệ sinh thái đổi mới, kết nối nghiên cứu - đào tạo - ứng dụng. Bên cạnh đó, Đề án 844 (2016) và 1665 (2017) đã thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, không gian sáng tạo và trung tâm ĐMST tại nhiều cơ sở giáo dục (NIC, 2024).

Theo Bộ GD&ĐT (2023), đến năm học 2022-2023, 80% trường đã tích hợp nội dung ĐMST vào chương trình đào tạo, 65% có trung tâm hoặc phòng thí nghiệm sáng tạo, 40% hợp tác chính thức với doanh nghiệp. Tuy nhiên, mức độ triển khai còn chênh lệch, phụ thuộc vào cơ chế tự chủ, tài chính và nhân lực chuyên trách (World Bank, 2024).

1. Bối cảnh và mục tiêu nghiên cứu

Trong kỷ nguyên kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp 4.0, đổi mới sáng tạo (ĐMST) trở thành động lực then chốt của tăng trưởng bền vững và năng lực cạnh tranh quốc gia. Trường đại học giữ vai trò trung tâm trong tạo lập tri thức, chuyển giao công nghệ và nuôi dưỡng tinh thần

* Học viện Tài chính, Bộ Tài chính

** Học viện Chiến lược Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

*** Trung tâm Chuyển giao Tri thức và Hỗ trợ Khởi nghiệp, Công viên Công nghệ cao và Đổi mới sáng tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng ĐMST tại các trường đại học Việt Nam giai đoạn 2020-2024, xác định mức độ và hiệu quả triển khai, các yếu tố ảnh hưởng và đề xuất hàm ý chính sách phát huy vai trò đại học trong hệ sinh thái ĐMST quốc gia.

2. Cơ sở lý luận về ĐMST trong đại học

Theo OECD (2018, Oslo Manual), ĐMST là quá trình hình thành và ứng dụng ý tưởng mới nhằm tạo ra giá trị kinh tế, xã hội hoặc tri thức, bao gồm sản phẩm, quy trình, mô hình tổ chức hay kinh doanh mới. Trong giáo dục đại học, ĐMST mở rộng từ nghiên cứu khoa học sang quản trị, đào tạo, hợp tác doanh nghiệp và thương mại hóa kết quả nghiên cứu (Etzkowitz & Zhou, 2017).

Vai trò của đại học được lý giải qua mô hình Triple Helix (Etzkowitz & Leydesdorff, 2000), thể hiện sự tương tác giữa đại học - doanh nghiệp - chính phủ trong thúc đẩy đổi mới. Các nghiên cứu tiếp theo (Carayannis & Campbell, 2009) phát triển mô hình Quadruple và Quintuple Helix, bổ sung yếu tố xã hội, truyền thông và môi trường, nhấn mạnh tri thức xã hội và phát triển bền vững.

Đối với các quốc gia đang phát triển, đại học là cầu nối nâng cao năng lực đổi mới quốc gia, song vẫn đối mặt hạn chế về tự chủ, tài chính và văn hóa đổi mới (UNESCO, 2021).

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp định lượng và định tính mô tả nhằm phản ánh toàn diện thực trạng ĐMST trong các trường đại học Việt Nam giai đoạn 2020-2024.

Dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ Bộ GD&ĐT (2023), Bộ KH&CN (2022), NIC (2024), cùng các báo cáo của OECD (2023) và World Bank (2024). Song song, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát 20 trường đại học ở ba vùng Bắc - Trung - Nam (245 phản hồi hợp lệ) và 12 phỏng vấn sâu với lãnh đạo phụ trách KH&CN, giám đốc trung tâm ĐMST và chuyên gia khởi nghiệp.

Ngoài ra, nghiên cứu phân tích chính sách về tự chủ, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ, nhằm đánh giá sự phù hợp giữa quy định và thực tiễn triển khai tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng hoạt động ĐMST tại các trường đại học Việt Nam

Kết quả tổng hợp dữ liệu từ 20 trường đại học đại diện cho 3 miền (Bắc, Trung, Nam) cho thấy

bức tranh khá đa dạng về mức độ triển khai hoạt động ĐMST.

Thứ nhất, về cơ cấu tổ chức và định hướng chiến lược, 75% các trường được khảo sát đã đưa ĐMST vào chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025, trong đó nhiều trường xác định mục tiêu trở thành “đại học đổi mới sáng tạo” (innovation-driven university). Các đơn vị tiên phong gồm: Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-HN), Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (VNU-HCM), Đại học Bách khoa Hà Nội (HUST) đều đã thành lập trung tâm ĐMST, ươm tạo khởi nghiệp và các phòng thí nghiệm trọng điểm phục vụ thương mại hóa nghiên cứu.

Thứ hai, về cơ sở hạ tầng và không gian sáng tạo, 65% các trường có “trung tâm ĐMST”, “vườn ươm” hoặc không gian sáng tạo (makerspace). Tuy nhiên, đa phần các đơn vị này vẫn hoạt động ở quy mô thử nghiệm, phụ thuộc vào nguồn ngân sách dự án hoặc tài trợ ngắn hạn (NIC, 2024). Chỉ một số trường lớn có khả năng vận hành độc lập thông qua nguồn thu từ hợp đồng nghiên cứu và dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Thứ ba, về hoạt động nghiên cứu và chuyển giao tri thức, các trường đại học Việt Nam đã ghi nhận sự gia tăng đáng kể về số lượng công bố khoa học, đề tài cấp bộ và sáng chế đăng ký. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ (2023), trong giai đoạn 2018-2023 số lượng bằng độc quyền sáng chế có chủ sở hữu là trường đại học tăng trung bình 15%/năm. Tuy vậy, tỷ lệ thương mại hóa vẫn thấp (ước dưới 10%) phản ánh khoảng cách giữa nghiên cứu và thị trường.

Thứ tư, về khởi nghiệp và doanh nghiệp spin-off, các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp sinh viên đã được triển khai rộng rãi thông qua Đề án 844, Đề án 1665 và các dự án hợp tác quốc tế như GIZ, KOICA, WIPO. Tính đến năm 2024, toàn quốc có trên 200 không gian sáng tạo và ươm tạo khởi nghiệp trong đại học (Bộ GD&ĐT, 2023), song phần lớn mới dừng ở giai đoạn huấn luyện, thiếu cơ chế đầu tư giai đoạn sau ươm tạo.

Cuối cùng, về hợp tác doanh nghiệp - đại học, hơn 60% các trường được khảo sát cho biết đã có ít nhất một hợp đồng R&D với doanh nghiệp. Tuy nhiên, mối quan hệ này chủ yếu mang tính dự án ngắn hạn, chưa hình thành các mô hình đồng phát triển sản phẩm hoặc nghiên cứu đặt hàng theo nhu cầu doanh nghiệp.

4.2. Phân tích theo nhóm yếu tố ảnh hưởng

4.2.1. Chính sách và thể chế

Khung pháp lý hiện nay (Luật Khoa học và Công nghệ 2013, sửa đổi 2024; Nghị định 70/2018/NĐ-

CP) đã tạo cơ sở cho các trường đại học được tự chủ trong hoạt động KH&CN, song việc triển khai vẫn còn khác biệt giữa các nhóm trường. Các đại học quốc gia có lợi thế về cơ chế đặc thù và ngân sách nhà nước, trong khi nhiều trường địa phương gặp khó khăn trong việc tiếp cận quỹ nghiên cứu hoặc cơ chế chia sẻ lợi nhuận từ thương mại hóa. Ngoài ra, việc thiếu hướng dẫn cụ thể về “doanh nghiệp spin-off” trong đại học khiến nhiều trường lúng túng trong khâu pháp lý.

4.2.2. Nguồn lực tài chính và nhân lực

Kết quả khảo sát cho thấy 68% số trường thiếu quỹ ổn định cho hoạt động ĐMST. Kinh phí chủ yếu đến từ các dự án hỗ trợ ngắn hạn (Đề án 844, Đề án 1665, NIC hoặc hợp tác quốc tế). Về nhân lực, chỉ khoảng 20% trường có đơn vị chuyên trách hoặc cán bộ toàn thời gian về ĐMST, còn lại do giảng viên kiêm nhiệm. Thiếu nhân sự có kỹ năng đổi mới, thiết kế sản phẩm và kết nối doanh nghiệp là rào cản lớn cho sự phát triển hệ sinh thái.

4.2.3. Văn hóa tổ chức và động lực sáng tạo

Phân tích phỏng vấn cho thấy nhiều giảng viên vẫn xem ĐMST là “nhiệm vụ thêm” hơn là định hướng nghề nghiệp. 65% giảng viên được hỏi cho rằng “đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ phụ”, phản ánh sự thiếu khuyến khích nội bộ về tài chính, khen thưởng và đánh giá hiệu suất. Các trường có văn hóa đổi mới mạnh thường gắn kết hoạt động nghiên cứu với chính sách thăng tiến, hỗ trợ kinh phí nhóm nghiên cứu và tạo không gian tự do học thuật cao hơn.

4.2.4. Liên kết mạng lưới và hợp tác bên ngoài

Các trường có vị trí địa lý gần trung tâm công nghiệp (như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng) có cơ hội hợp tác tốt hơn với doanh nghiệp. Mô hình “Triple Helix vùng” đã được hình thành tại một số địa phương, như Khu công nghệ cao Hòa Lạc, Khu công nghệ cao TP.HCM hay Vườn ươm doanh nghiệp Đà Nẵng (DNES). Tuy nhiên, ở các khu vực khác, mối liên kết còn mờ nhạt, phụ thuộc vào chính quyền địa phương hoặc dự án viện trợ.

4.2.5. Quản trị ĐMST và chiến lược phát triển

Chỉ 35% các trường có chiến lược ĐMST được ban hành chính thức ở cấp trường/hội đồng trường. Đa số hoạt động mang tính dự án, chưa gắn với hệ thống chỉ số đo lường kết quả (KPI). Việc thiếu cơ chế theo dõi, đánh giá định kỳ khiến nhiều chương trình ĐMST không bền vững sau khi kết thúc tài trợ. Một số mô hình tốt như Đại học Quốc gia Hà Nội (Trung tâm Chuyển giao Tri thức và Hỗ trợ

Khởi nghiệp), Đại học Bách khoa Hà Nội (Trung tâm Đổi mới sáng tạo, BK Holdings) và Đại học Quốc gia TP.HCM (Trung tâm Khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo) đã triển khai cơ chế tự chủ tài chính, thu hút doanh nghiệp đồng đầu tư và tạo quỹ ươm tạo nội bộ - đây là kinh nghiệm cần nhân rộng.

4.3. Phân tích SWOT tổng hợp

Yếu tố	Nội dung phân tích
Strengths (Điểm mạnh)	- Hệ thống chính sách quốc gia về ĐMST được ban hành đầy đủ. - Sự quan tâm của Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ KH&CN. - Mạng lưới đại học đa dạng, có năng lực nghiên cứu mạnh tại các trường đầu ngành. - Thế hệ giảng viên trẻ, năng động, sẵn sàng đổi mới phương pháp.
Weaknesses (Điểm yếu)	- Thiếu cơ chế tài chính ổn định cho ĐMST. - Năng lực quản trị và thương mại hóa kết quả nghiên cứu còn yếu. - Thiếu nhân lực chuyên môn về quản lý đổi mới và khởi nghiệp. - Văn hóa sáng tạo chưa phổ biến, chưa gắn ĐMST với đánh giá hiệu suất giảng viên.
Opportunities (Cơ hội)	- Chính phủ thúc đẩy chuyển đổi số và tự chủ đại học. - Hỗ trợ mạnh mẽ từ các chương trình quốc tế như NIC, GIZ, KOICA, WIPO. - Nhu cầu thị trường về công nghệ xanh, giáo dục số và sản phẩm R&D tăng cao. - Sự phát triển nhanh của khu công nghệ cao và doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ.
Threats (Thách thức)	- Chênh lệch vùng miền lớn về nguồn lực và năng lực quản trị. - Cạnh tranh nhân lực chất lượng cao giữa đại học và doanh nghiệp. - Hạn chế trong chia sẻ lợi ích, sở hữu trí tuệ. - Nhiều chương trình ĐMST phụ thuộc tài trợ ngắn hạn, thiếu tính bền vững.

4.4. Thảo luận kết quả

Kết quả nghiên cứu phản ánh hệ sinh thái ĐMST trong đại học Việt Nam đang phát triển, có xu hướng mở rộng nhanh nhưng còn hạn chế về chiều sâu và tính liên kết. Phần lớn trung tâm ĐMST vẫn mang tính “cơ sở đào tạo - hướng nghiệp”, chưa hình thành năng lực thương mại hóa.

Kết quả cũng cho thấy mối quan hệ giữa tự chủ đại học và năng lực ĐMST mang tính quyết định. Các trường có cơ chế tự chủ cao thường có khả năng huy động vốn xã hội, triển khai nhanh các chương trình hợp tác và thu hút nhân lực chất lượng cao. Ngược lại, các trường phụ thuộc vào ngân sách nhà nước thường gặp khó trong việc duy trì hoạt động liên tục và sáng tạo mô hình mới.

Một điểm đáng chú ý khác là văn hóa tổ chức sáng tạo đóng vai trò nền tảng. Theo phỏng vấn, tại các trường có lãnh đạo định hướng đổi mới rõ ràng (như VNU-HN, VNU-HCM, HUST, HU), tinh thần sáng tạo của giảng viên và sinh viên được thúc đẩy mạnh mẽ hơn thể hiện qua số lượng dự án tham gia cuộc thi, sáng chế và hợp tác doanh nghiệp. Điều này củng cố luận điểm của Etzkowitz & Zhou (2017) rằng văn hóa sáng tạo là yếu tố “mềm” nhưng mang tác động mạnh nhất trong vận hành mô hình Triple Helix.

Ngoài ra, nghiên cứu cho thấy các trường đang chuyển dịch từ mô hình “đào tạo - nghiên

cứu” sang “đào tạo - nghiên cứu - đổi mới - khởi nghiệp”, song cần cơ chế đánh giá kết quả dựa trên đầu ra (outcome-based innovation). Việc thiếu các chỉ số như tỷ lệ thương mại hóa, doanh thu từ R&D hay số doanh nghiệp spin-off khiến hoạt động ĐMST chưa được đo lường hiệu quả.

Từ các phát hiện trên, có thể khẳng định rằng để phát huy vai trò trung tâm của đại học trong hệ sinh thái đổi mới quốc gia cần đồng thời hoàn thiện thể chế - tăng cường nguồn lực - phát triển năng lực quản trị và xây dựng văn hóa sáng tạo nội bộ.

5. Hàm ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất bốn nhóm hàm ý chính sách chủ đạo nhằm phát huy vai trò của đại học trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (ĐMST) quốc gia.

(1) Hoàn thiện thể chế và cơ chế chính sách

Cần hoàn thiện khung pháp lý thống nhất về ĐMST trong đại học, đặc biệt là quy định liên quan đến doanh nghiệp spin-off, chia sẻ lợi nhuận thương mại hóa kết quả nghiên cứu và tự chủ trong hoạt động KH&CN. Nhà nước nên duy trì và mở rộng quỹ hỗ trợ dài hạn, tạo nguồn lực ổn định để hình thành và vận hành các trung tâm ĐMST trong trường đại học.

(2) Phát triển nguồn lực R&D và nhân lực sáng tạo

Các trường cần đầu tư có trọng điểm cho nhóm nghiên cứu mạnh, gắn kết quả nghiên cứu với cơ chế khen thưởng và hợp tác doanh nghiệp. Cần hình thành chức danh chuyên trách về ĐMST (innovation officer), đồng thời đẩy mạnh đào tạo kỹ năng quản trị đổi mới cho đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý.

(3) Tăng cường liên kết Đại học - Doanh nghiệp - Chính phủ (Triple Helix)

Khuyến khích các trường ký kết thỏa thuận đồng phát triển (co-development) và tham gia các dự án đặt hàng nghiên cứu hoặc đồng tài trợ (matching fund) gắn với nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, địa phương. Sự hợp tác ba bên cần dựa trên niềm tin, chia sẻ lợi ích và rủi ro, nhằm tạo ra hệ sinh thái ĐMST năng động và bền vững.

(4) Xây dựng văn hóa sáng tạo và hệ sinh thái ĐMST trong đại học

ĐMST cần trở thành giá trị cốt lõi và sứ mệnh chiến lược của nhà trường, thay vì chỉ là phong trào ngắn hạn. Cần tạo môi trường học thuật

khuyến khích thử nghiệm, chấp nhận sai lầm và học hỏi nhanh (fail fast - learn fast). Hoạt động ĐMST nên được tích hợp vào đào tạo, nghiên cứu và đánh giá giảng viên - sinh viên. Đồng thời, cần xây dựng bộ chỉ số đánh giá ĐMST ở cấp quốc gia làm căn cứ cho xếp hạng, phân bổ ngân sách và tôn vinh các trường có đóng góp nổi bật.

6. Kết luận

Đổi mới sáng tạo trong đại học là trụ cột thúc đẩy kinh tế tri thức và năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong bối cảnh tự chủ và chuyển đổi số, các cơ sở giáo dục Việt Nam đang từng bước khẳng định vai trò trung tâm trong hệ sinh thái ĐMST - không chỉ qua đào tạo và nghiên cứu mà còn bằng kết nối tri thức với doanh nghiệp và cộng đồng.

Hoạt động ĐMST trong đại học đã có bước tiến rõ nét về tổ chức, nhận thức và chính sách hỗ trợ, song vẫn còn chênh lệch giữa các nhóm trường, do khác biệt về nguồn lực và văn hóa đổi mới. Điều đó phản ánh thách thức của quá trình chuyển đổi từ đại học truyền thống sang đại học đổi mới sáng tạo.

Trong tương lai, hệ sinh thái ĐMST đại học Việt Nam cần phối hợp chặt chẽ giữa Đại học - Doanh nghiệp - Nhà nước, song song với hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn lực R&D và nuôi dưỡng văn hóa sáng tạo. ĐMST phải được xem là năng lực cốt lõi và sứ mệnh lâu dài của đại học trong kỷ nguyên tri thức và chuyển đổi số.

Tài liệu tham khảo:

- Audretsch, D. B. (2014). From the entrepreneurial university to the university for the entrepreneurial society. *Journal of Technology Transfer*, 39(3), 313-321.
- Bộ Chính trị. (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). Báo cáo tổng kết hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam năm 2022-2023. Hà Nội.
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2022). Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (Quyết định số 569/QĐ-TTg). Hà Nội.
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2023). Báo cáo quốc gia về đổi mới sáng tạo và công nghệ Việt Nam 2023. Hà Nội.
- Carayannis, E. G., & Campbell, D. F. J. (2009). 'Mode 3' and 'Quadruple Helix': Toward a 21st century fractal innovation ecosystem. *International Journal of Technology Management*, 46(3-4), 201-234.
- Etzkowitz, H., & Leydesdorff, L. (2000). The dynamics of innovation: From National Systems and "Mode 2" to a Triple Helix of university-industry-government relations. *Research Policy*, 29(2), 109-123.
- Etzkowitz, H., & Zhou, C. (2017). *The Triple Helix: University-Industry-Government innovation and entrepreneurship*. London: Routledge.
- NIC. (2024). *Vietnam Innovation Ecosystem Report 2024*. Hà Nội: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia.
- OECD. (2018). *Oslo Manual 2018: Guidelines for collecting, reporting and using data on innovation*. Paris: OECD Publishing.
- OECD. (2019). *University-Industry Collaboration: From policy to practice*. Paris: OECD Publishing.
- OECD. (2023). *OECD Science, Technology and Innovation Outlook 2023*. Paris: OECD Publishing.
- UNESCO. (2021). *Science report: The race against time for smarter development*. Paris: UNESCO Publishing.
- World Bank. (2024). *Accelerating Innovation for Development: How Universities Leverage Knowledge Exchange to Boost Economic Growth in Middle-Income Countries (Background paper)*. World Bank Publications.
- Nghiên cứu này thuộc đề tài KH&CN cấp Bộ KH&CN: Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xuất các giải pháp thúc đẩy phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo tại các trường đại học ở Việt Nam, mã số: 06/HĐ-ĐT/VCLCS.25